

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 01/2001/TT-NHNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 19 tháng 1 năm 2001

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam

Ngày 14/4/1999 Chính phủ ban hành Nghị định số 22/1999/NĐ-CP quy định về đầu tư ra nước ngoài của Doanh nghiệp Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn cụ thể về quản lý ngoại hối đối với các doanh nghiệp Việt Nam có vốn đầu tư ra nước ngoài như sau:

I/ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1/ Thông tư này áp dụng đối với các Doanh nghiệp Việt Nam được phép đầu tư trực tiếp ra nước ngoài bao gồm: Doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp Nhà nước; Hợp tác xã được thành lập theo Luật hợp tác xã; Doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp (Sau đây gọi chung là Doanh nghiệp).

2/ Thông tư này không áp dụng đối với các đối tượng sau:

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh.
- Doanh nghiệp Việt nam đầu tư ra nước ngoài dưới các hình thức: cho vay tín dụng, mua cổ phiếu, ngân hàng, bảo hiểm không thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư này.

II. MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN

3/ Để thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài, doanh nghiệp phải mở một tài khoản tiền gửi ngoại tệ tại Ngân hàng được phép hoạt động ngoại hối (sau đây gọi là Ngân hàng được phép). Mọi giao dịch chuyển tiền ra nước ngoài và vào Việt Nam liên

quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp phải thực hiện thông qua tài khoản này:

Phần thu:

- a/ Ngoại tệ chuyển vào từ tài khoản tiền gửi ngoại tệ của Doanh nghiệp để thực hiện việc góp vốn đầu tư hoặc chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài;
- b/ Lợi nhuận, doanh thu được chia và các khoản thu nhập hợp pháp khác có từ hoạt động đầu tư ở nước ngoài của Doanh nghiệp chuyển về Việt Nam;
- c/ Vốn đầu tư và vốn tái đầu tư chuyển về Việt Nam.

Phần chi:

- a/ Chi chuyển ra nước ngoài để góp vốn đầu tư hoặc chuyển vốn đầu tư thực hiện dự án đầu tư;
 - b/ Chi chuyển vào tài khoản tiền gửi ngoại tệ của Doanh nghiệp;
 - c/ Bán ngoại tệ cho các ngân hàng được phép hoạt động ngoại hối.
- 4/ Việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ tại nước ngoài của dự án đầu tư ở nước ngoài được thực hiện theo quy định của nước tiếp nhận đầu tư và chỉ phục vụ các giao dịch có liên quan đến hoạt động của dự án đầu tư ở nước ngoài.

Trường hợp Doanh nghiệp có nhu cầu mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài phải thực hiện theo quy định tại Mục I Chương V Phần thứ hai Thông tư 01/1999/TT-NHNN7 ngày 16/4/1999 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định số 63/1998/NĐ-CP ngày 17/8/1998 của Chính phủ về Quản lý ngoại hối.

III/ CHUYỂN VỐN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI CHUYỂN LỢI NHUẬN, VỐN ĐẦU TƯ VÀ TÁI ĐẦU TƯ VỀ VIỆT NAM

5/ Doanh nghiệp phải đăng ký với chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Tỉnh, Thành phố nơi đặt trụ sở chính về việc mở tài khoản ngoại tệ và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài. Hồ sơ gồm:

- Đơn đăng ký tài khoản và chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài (Mẫu số 1);
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao có công chứng)
- Giấy phép đầu tư ra nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp (bản sao có công chứng);

- Văn bản chấp thuận đầu tư do nước tiếp nhận đầu tư cấp (kèm bản dịch tiếng Việt có dấu và chữ ký xác nhận của Tổng giám đốc hoặc Giám đốc);
- Văn bản quy định tiến độ góp vốn đầu tư (ghi trong điều lệ hoặc hợp đồng liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh đã được cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư phê duyệt (nếu có) hoặc bản dự kiến tiến độ góp vốn đầu tư của doanh nghiệp được phép đầu tư ra nước ngoài).

Trong thời gian 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Tỉnh, Thành phố có trách nhiệm xác nhận việc mở tài khoản và đăng ký tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài (Mẫu số 2) để nhà đầu tư Việt Nam làm cơ sở chuyển tiền đầu tư ra nước ngoài thực hiện dự án đầu tư thông qua tài khoản đã mở ở ngân hàng được phép.

6/ Doanh nghiệp chỉ được phép sử dụng nguồn ngoại tệ trên tài khoản tiền gửi ngoại tệ của mình mở tại các ngân hàng được phép để chuyển ra nước ngoài góp vốn đầu tư trên cơ sở quy định tại Giấy phép đầu tư do cơ quan có thẩm quyền cấp.

7/ Hàng năm, Doanh nghiệp có vốn đầu tư ra nước ngoài phải chuyển lợi nhuận và các khoản thu nhập hợp pháp khác về nước trong thời hạn chậm nhất là 6 tháng kể từ khi kết thúc năm tài chính của nước tiếp nhận đầu tư.

Trường hợp không thể chuyển lợi nhuận và các khoản thu nhập hợp pháp khác về Việt Nam đúng thời hạn nêu trên, Doanh nghiệp phải có văn bản báo cáo giải trình rõ lý do với chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Tỉnh, Thành phố nơi Doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

Doanh nghiệp phải thực hiện nghĩa vụ kết hối đối với lợi nhuận và các khoản thu nhập hợp pháp khác từ hoạt động đầu tư tại nước ngoài theo quy định của Chính phủ trong từng thời kỳ.

8/ Khi kết thúc dự án hoặc giải thể trước hạn, hoặc không triển khai được dự án, Doanh nghiệp phải chuyển vốn đầu tư, vốn tái đầu tư và các khoản thu được sau thanh lý về nước trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày kết thúc việc thanh lý và phải báo cáo cho chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Tỉnh, Thành phố nơi Doanh nghiệp đặt trụ